

BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG
REPORT ON CHANGE OF NET ASSET VALUE

1 Công ty quản lý quỹ: Fund Management Company: 2 Ngân hàng giám sát: Supervising bank: 3 Tên Quỹ: Fund name: 4 Kỳ báo cáo: Reporting period: 5 Ngày lập báo cáo: Reporting Date:	CTCP Quản lý Quỹ Đầu Tư Dragon Capital Việt Nam Dragon Capital Vietfund Management Joint Stock Company Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam-CN TP.HCM Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam-HCMC Branch QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND (FUEVFNVD) DCVFMVN DIAMOND ETF (FUEVFNVD) Từ ngày 16/10/2026 đến ngày 22/10/2026 From 16 Oct 2026 to 22 Oct 2026 23/10/2026 23 Oct 2026
---	---

Đơn vị tính/Currency: VND

STT NO	CHỈ TIÊU CRITERIA	Mã số Item No	KỲ BÁO CÁO THIS PERIOD 22/10/2026	KỲ TRƯỚC LAST PERIOD 15/10/2026
A	Giá trị tài sản ròng/ Net asset value	2100		
A.1	Giá trị đầu kỳ/ Opening balance	2101		
	Của quỹ/ of fund	2101.1	10,445,903,168,463	10,538,559,728,063
	Của một lô chứng chỉ quỹ/ per lot	2101.2	3,226,035,567	3,227,736,517
	Của một chứng chỉ quỹ/ per certificate	2101.3	32,260.35	32,277.36
A.2	Giá trị tài sản ròng cuối kỳ/ Closing balance	2102		
	Của quỹ/ of fund	2102.1	10,647,416,236,713	10,445,903,168,463
	Của một lô chứng chỉ quỹ/ per lot	2102.2	3,292,336,198	3,226,035,567
	Của một chứng chỉ quỹ/ per certificate	2102.3	32,923.36	32,260.35
A.3	Thay đổi giá trị tài sản ròng trong kỳ, trong đó	2103		
	Change of net asset value during the period, in which			
	Thay đổi do các hoạt động liên quan đến đầu tư của quỹ trong kỳ	2103.1	214,394,495,224	(5,325,381,781)
	Change due to investment activities during the period			
	Thay đổi do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ trong kỳ	2103.2	(12,881,426,974)	(87,331,177,819)
	Change due to subscription, redemption during the period			
	Thay đổi do việc phân phối thu nhập của quỹ cho các nhà đầu tư trong kỳ	2103.3		
	Change due to profit distribution to investors during the period			
A.4	Thay đổi giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ so với kỳ trước	2104	663.01	(17.01)
	Change of net asset value per certificate in comparison to previous period			
A.5	Giá trị tài sản ròng cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất	2105		
	Highest/lowest net asset value within the nearest 52 weeks			
	Giá trị cao nhất/ Highest value (VND)	2105.1	14,559,748,913,474	14,559,748,913,474
	Giá trị thấp nhất/ Lowest value (VND)	2105.2	10,036,556,517,274	10,036,556,517,274
A.6	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (không áp dụng với quỹ niêm yết)	2106		
	Foreign investors' ownership ratio (not applicable for listed fund)			
	Số lượng chứng chỉ quỹ/ Number of Fund Certificates	2106.1		
	Tổng giá trị/ Total value	2106.2		
	Tỷ lệ sở hữu/ Ownership ratio	2106.3		
B	Giá trị thị trường (giá đóng cửa cuối phiên giao dịch trong ngày báo cáo)	2107		
	Market price (closing price of last session within the reporting day) of a certificate			
B.1	Giá trị đầu kỳ/ Opening balance	2108	32,200	32,380
B.2	Giá trị cuối kỳ/ Closing balance	2109	32,940	32,200
B.3	Thay đổi giá trị thị trường trong kỳ so với kỳ trước	2110	740	(180)
	Change of market price during the period in comparison to previous period			
B.4	Chênh lệch giữa giá thị trường của một chứng chỉ quỹ và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ	2111		
	Variance between market price and net asset value of one fund certificate			
	Chênh lệch tuyệt đối/ Absolute variance (VND)	2111.1	16.64	(60.35)
	Chênh lệch tương đối (mức độ chiết khấu (-)/thặng dư (+)) Relative variance (discount (-)/surplus (+))	2111.2	0.05%	(0.19)%
B.5	Giá trị thị trường cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất	2112		
	Highest/lowest market value within the nearest 52 weeks			
	Giá trị cao nhất/ Highest value (VND)	2112.1	40,800	40,800
	Giá trị thấp nhất/ Lowest value (VND)	2112.2	31,400	31,400

Đại diện có thẩm quyền của Ngân Hàng Giám Sát
 Authorised Representative of Supervisory Bank

Đại diện có thẩm quyền của Công ty Quản lý Quỹ
 Authorised Representative of Fund Management Company

NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM-CN TP.HCM
 Nguyễn Xuân Lương
 Phó Trưởng Phòng DVKHTC2

CTCP QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM
 Ninh Thị Tuệ Minh
 Trưởng phòng Kế toán quỹ